

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 61/2021/HSST
Ngày 23 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Thịnh

2. Ông Lê Thanh Nhất

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lại Phương Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Ông Ngô Trường Út- Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2021/HSST ngày 10 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 17/11/1972; Nơi đăng ký NKTT: xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Bùi Thị T, sinh năm 1931; vợ: Bùi Thị L, sinh năm 1973; con: có 02 con lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1996; tiền sự: không.

Tiền án: Tại bản án số 876/2005/HSPT ngày 25/08/2005 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội tuyên phạt 21 năm 06 tháng tù về các tội Giết người, Đe dọa giết người, Cố ý gây thương tích, Trộm cắp tài sản và Hủy hoại tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2020, các hình phạt khác của bản án bị cáo đã chấp hành xong ngày 19/4/2011.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2021 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Trương P, sinh năm 1987; trú tại: thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt); chị Bùi Thị L, sinh năm 1973; trú tại: thôn L, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người làm chứng: Anh Phùng Văn D, sinh năm 1990; trú tại: TDP M, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 18/6/2021 Nguyễn Văn T một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu LISOHAKA BKS: 88H-0565 màu sơn xanh đến khu vực bờ hồ thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và gặp một nam thanh niên không rõ tên, tuổi, địa chỉ mua 01 gói ma túy heroine với giá 100.000 đồng. Sau đó T điều khiển xe máy đi về nhà, trên đường về xã Liên Hòa đến đoạn đường vắng T lấy ra một ít ma túy vừa mua được để sử dụng, số ma túy còn lại T gói lại và cất giấu trong túi quần bên phải phía trước đang mặc. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đi đến khu vực bờ hồ thôn Làng Bền, xã Liên Hòa, huyện Lập Thạch thì gặp Đỗ Trương P và Phùng Văn D đang đứng ở ven hồ. Lúc này, P gọi T dừng xe lại. D vẫn đứng ở ven hồ còn P đi bộ đến chỗ T và hỏi “Anh có biết chỗ nào bán ma túy Heroine không chỉ giúp em để em đến mua” thì T trả lời “Muốn mua bao nhiêu thì đưa tiền cho anh, anh có ma túy Heroine đây”. Sau đó P hỏi mua 200.000 đồng tiền ma túy, T đồng ý. T và P đang trao đổi mua bán ma túy thì bị lực lượng Công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang T và P có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và thu giữ : tại túi quần phía trước T đang mặc 01 gói nhỏ bên trong có chứa chất cục bột màu trắng (vật chứng được niêm phong ký hiệu A1); thu giữ của P 200.000 đồng, và toàn bộ vật chứng liên quan. Cùng ngày cơ quan Công an đã tiến hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật, tài sản của Nguyễn Văn T, kết quả không thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Ngày 22/6/2021 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có văn bản giám định số 1350/KLGĐ, kết luận:

Chất bột cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,0674g (Không thấy không sáu bảy bốn gam, không kể bao bì), loại Heroine.

Về nguồn gốc ma túy Heroine T mua của một người đàn ông ở thành phố Vĩnh Yên, T không biết tên tuổi, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ để xử lý.

Đối với Đỗ Trương P quá trình điều tra xác định P đang trao đổi mua bán ma túy với T, P chưa kịp đưa tiền và nhận ma túy thì bị bắt quả tang nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với P.

Đối với Phùng Văn D là bạn của P, quá trình điều tra xác định D không biết và cũng không tham gia vào việc trao đổi mua bán ma túy giữa P và T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với D.

Vật chứng cơ quan điều tra thu giữ:

Mẫu A1 = 0,0674g heroine, cơ quan giám định hoàn lại mẫu = 0,0307g là vật Nhà nước cầm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen bên trong lắp sim số 0979990405 thu giữ của Nguyễn Văn T quá trình điều tra xác định T không

sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần trả lại cho T nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ của Đỗ Trương P, quá trình điều tra xác định P dùng số tiền này để mua ma túy của T nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với xe máy wave nhãn hiệu LISOHAKA BKS: 88H4-0565 màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định chiếc xe này là tài sản riêng của chị Bùi Thị L (vợ T) việc T sử dụng xe máy trên để thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy chị L không biết. Do vậy cần trả lại chiếc xe trên cho chị L.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 60/CT-VKS ngày 09 tháng 9 năm 2021 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch luận tội đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt: Bị cáo T từ 30 tháng đến 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch đã truy tố và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì.

Chị Bùi Thị L trình bày: Chị không biết bị cáo T sử dụng xe máy của mình để đi trộm cắp tài sản, chị đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị chiếc xe máy và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/6/2021 tại khu vực bờ hồ thuộc thôn Làng Bền, xã Liên Hòa, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn T có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy heroine cho Đỗ Trương P với giá 200.000 đồng thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang thu giữ trên người T 0,0674 gam ma túy heroine và các vật chứng liên quan.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập theo trình tự của Bộ luật tố tụng hình sự được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

Do đó bản cáo trạng số: 60/CT-VKS, ngày 09/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi ma túy là chất độc được hủy hoại sức khỏe con người và gây tác hại xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự công cộng. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết xem xét giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo nhân thân xấu tại bản án số 876/2005/HSPT ngày 25/08/2005 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội tuyên phạt 21 năm 06 tháng tù về các tội Giết người, Đe dọa giết người, Cố ý gây thương tích, Trộm cắp tài sản và Hủy hoại tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2020, các hình phạt khác của bản án bị cáo đã chấp hành xong ngày 19/4/2011, bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xử phạt tù cách ly bị cáo một thời gian mới

đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định: “ *Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ...* ”. Tuy nhiên bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Đỗ Trương P quá trình điều tra xác định Phi đang trao đổi mua bán ma túy với T, P chưa kịp đưa tiền và nhận ma túy thì bị bắt quả tang nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với P.

Đối với Phùng Văn D là bạn của P, quá trình điều tra xác định D không biết và cũng không tham gia vào việc trao đổi mua bán ma túy giữa P và T nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với D.

[6] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy Mẫu và bao gói mẫu vật hoàn lại sau giám định.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen bên trong lắp sim số 0979990405 thu giữ của Nguyễn Văn T quá trình điều tra xác định T không sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần trả lại cho T nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ của Đỗ Trương P, quá trình điều tra xác định P dùng số tiền này để mua ma túy của T nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với xe máy wave nhãn hiệu LISOHAKA BKS: 88H4-0565 màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định chiếc xe này là tài sản riêng của chị Bùi Thị L (vợ T) việc T sử dụng xe máy trên để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy chị L không biết. Do vậy cần trả lại chiếc xe trên cho chị L.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/6/2021.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy Mẫu và bao gói mẫu vật hoàn lại sau giám định A1= 0,0307g.

Trả lại Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động NOKIA màu đen IMEL: 357153/06/205335/6 bên trong lắp sim số 0979990405 nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu xung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng.

Trả lại chị Bùi Thị L 01xe máy nhãn hiệu LISOHAKA BKS: 88H4-0565 màu sơn xanh, số khung: VLKW CHO13LK078866; số máy: VLKZS1P50FMH 0007866 yếm xe bị vỡ rời hai bên.

(các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch và Chi cục thi hành án huyện Lập Thạch).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án huyện Lập Thạch;
- Công an huyện Lập Thạch;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Ủy ban nhân dân xã Liên Hòa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TrầnThị Huệ